

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2018/DSST

Ngày: 07-12-2018

*“V/v Tranh chấp dân sự về
thừa kế quyền sử dụng đất
và quyền sử dụng đất”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hải.

Ông Nguyễn Văn Vệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Trang- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04-12 và 07-12-2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 679/2013/TLST - DS ngày 25-11-2013, về vụ án “*Tranh chấp dân sự về thừa kế quyền sử dụng đất và Quyền sử dụng đất*” theo Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 145/2018/QĐST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/ Nguyễn Thị L, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số nhà 624, tổ 77, khóm Mỹ Thiện, phường 3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Liên: Luật sư Nguyễn Hồng Thanh – Trưởng văn phòng Luật sư Hồng Th, đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

2/ Nguyễn Kim Ho, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Tổ 56, khóm 4, phường 2, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn:

1/ Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1960;

2/ Phạm Thị H, sinh năm 1963;

Đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị H là ông Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1961. (Văn bản ủy quyền ngày 20/01/2017).

Cùng địa chỉ: số 143/19A, Tổ 56, khóm 4, phường 2, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Tổ 56, khóm 4, phường 2, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2/ Nguyễn Độc L, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Tổ 56, khóm 4, phường 2, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Kim H, ông Nguyễn Độc L là ông Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1961. Địa chỉ: Tổ 56, khóm 4, phường 2, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Là người đại diện theo uỷ quyền.

3/ Nguyễn Hoà H, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Tổ 56, khóm 4, phường 2, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

4/ Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp;

Đại diện theo pháp luật là ông Phan Văn Thương, chức vụ Chủ tịch.

Địa chỉ: Số 03, đường 30/4, phường 1, thành phố C, Đồng Tháp.

5/ Nguyễn Thị C, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Tổ 77, khóm Mỹ Thiện, phường 3, Tp. Cao Lãnh, Đồng Tháp.

6/ Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1996;

7/ Lê Thị Cẩm T, sinh năm 1992;

8/ Lê Văn Danh V, sinh năm 1994;

9/ Nguyễn Toàn H, sinh năm 2003;

10/ Nguyễn Thị H, sinh năm 1980;

Cùng địa chỉ: Tổ 56, khóm 4, phường 2, thành phố C, Đồng Tháp.

(Nguyên đơn Nguyễn Thị L, Nguyễn Kim Ho, bị đơn Nguyễn Ngọc A, người liên quan Nguyễn Hòa H có mặt tại phiên tòa; các đương sự còn lại vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Kim Ho trình bày: Cha mẹ của bà là ông Nguyễn Văn L (chết năm 2012) và bà Đặng Thị M (chết năm 1999). Ông L, bà M có tất cả 06 người con: Nguyễn Thị L, sinh năm 1959; Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1960; Nguyễn Kim Ho, sinh năm 1967; Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1969; Nguyễn Độc L, sinh năm 1973; Nguyễn Hòa H, sinh năm 1975.

Sau khi bà M chết vào năm 1999, không để lại di chúc và hàng thừa kế thứ nhất của bà Múc không ai tranh chấp. Toàn bộ tài sản để lại cho ông L quản lý, sử dụng. Năm 2006 ông L đăng ký và được UBND thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn Lén đứng tên vào ngày 18/10/2006 thuộc thửa đất số 129, tờ bản đồ số 17, diện tích $253,2m^2$, loại đất ở đô thị, tọa lạc tại tổ 20, khóm 4, phường 2, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Phần đất trên, ông L có xây dựng căn nhà cấp 4, diện tích căn nhà là $80m^2$ (không có giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà). Căn nhà và diện tích đất $80m^2$ hiện nay do Nguyễn Hòa H là người con út trong gia đình đang quản lý và sử dụng. Nguyễn Hòa H có chung hộ khẩu với ông L.

Năm 2012, ông Nguyễn Văn L chết, không để lại di chúc. Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Kim Ho là hàng thừa kế thứ nhất của ông Lén có yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật.

Ngày 04/04/2013, tất cả những người con của ông L, bà M có yêu cầu UBND khóm 4, phường 2, thành phố C hòa giải, cùng thống nhất:

- + Căn nhà cấp 4 và diện tích đất xây nhà $80m^2$, giao cho Nguyễn Hòa H là con trai út có chung hộ khẩu với ông L từ trước đến nay tiếp tục quản lý sử dụng và thờ cúng cha, mẹ.

- + Phần đất còn lại khoảng $180m^2$, yêu cầu chia đều cho 05 người con còn lại, mỗi người được hưởng $36m^2$. Nhưng phần đất $180m^2$, hiện nay do ông Nguyễn Ngọc A xây cất nhà tạm bợ sử dụng. Đề nghị tháo dỡ trả lại diện tích cho các anh chị em sử dụng.

Ngày 08/04/2013, tất cả những người con của ông L, bà M tiếp tục làm văn bản thỏa thuận tại Ban nhân dân khóm 4, phường 2 về việc chia hiện trạng đất như đã nêu trên, tất cả cùng đồng ý và ký tên.

Ngày 22/07/2013, tất cả những người con của ông L, bà M đề nghị UBND phường 2 đến đo đạc đất để giao vị trí đất, thì Nguyễn Ngọc A ngăn cản và không cho đo đạc, UBND phường 2 lập biên bản.

Nay bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Kim Ho yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Ngọc A và bà Nguyễn Kim Hồng, thực hiện:

- + Bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Kim Ho đồng ý giao căn nhà cấp 4 (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà) gắn liền diện tích đất $80m^2$, thuộc một phần thửa đất số 129, tờ bản đồ số 17, loại đất ở đô thị, do UBND thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn Lén, giao cho Nguyễn Hòa H tiếp tục quản lý và sử dụng.

- + Phần diện tích đất còn lại $180m^2$, thuộc một phần thửa đất số 129, tờ bản đồ số 17, loại đất ở đô thị, do UBND thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn L. Bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn

Kim Ho yêu cầu chia theo pháp luật để được hưởng trên hiện trạng đất, mỗi người được hưởng 36 m² (cụ thể: Bà Nguyễn Thị L được hưởng 36 m²; bà Nguyễn Kim Ho được hưởng 36 m²).

+ Yêu cầu ông Nguyễn Ngọc A và bà Nguyễn Kim H (vợ ông A) tháo dỡ tài sản trên đất để trả lại diện tích đất cho bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Kim Ho quản lý sử dụng.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay do bà Nguyễn Thị L đang quản lý. Đất tranh chấp tọa lạc tại: Tổ 20, khóm 4, phường 2, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn ông Nguyễn Ngọc A cùng được sự ủy quyền của những người liên quan Nguyễn Thị Kim H và Nguyễn Đức L trình bày và có yêu cầu: Ông Ánh có sử dụng từ năm 1981 đến nay phần đất 126,8m² giáp ranh với đất của ông L, để cất nhà kho chứa phế liệu. Năm 2012 ông A có đi đăng ký quyền sử dụng đất thì ông Lén đã đăng ký luôn phần đất của ông Ánh đang sử dụng vào năm 2006 diện tích là 253m². Ông A và ông L bàn bạc tách thửa cho ông A, chưa làm thủ tục xong thì ông L chết. Ông A không đồng ý chia thừa kế cho bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Kim Ho, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Hòa H, Nguyễn Đức L.

Ngày 01/4/2014, ông A khiếu nại Ủy ban nhân dân thành phố C biên nhận số 70/BN ngày 26/5/2015 về việc cấp đất cho ông Lén.

Ông Ánh đã nhận được văn bản số 477/UBND-NT ngày 14/4/2015 của UBND thành phố C, về việc trả lời khiếu nại của ông A. Ông A không đồng ý nội dung trả lời trên, và làm đơn khiếu nại tiếp về thủ tục hành chính, gửi đơn và văn bản số 477/UBND-NT ngày 14/4/2015 đến UBND tỉnh Đồng Tháp giải quyết tiếp.

Hiện ông không đã không còn khiếu nại về việc cấp đất của Ủy ban nhân dân thành phố và cam kết sẽ giải quyết vụ án tại Tòa án không khiếu nại tại Ủy ban nhân dân thành phố C.

Đối với yêu cầu của các thừa kế khác thì ông không đồng ý.

Hiện tại trong phần diện tích đất ông L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông A đang sử dụng diện tích 126,8 m² và đã cất nhà kiên cố. Ông yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông L với diện tích 126,8m² để công nhận cho ông phần diện tích trên. Phần diện tích còn lại là 126,4 m² là phần đất thời cúng ông bà thì ông đồng ý giao lại cho các đồng thừa kế còn lại để chia.

Đối với phần diện tích nhà thời cúng cha mẹ thì ông đồng ý theo ý kiến anh em trong nhà và lời đi chung cho anh H sở hữu.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hòa H trình bày:

Anh H vẫn giữ nguyên theo yêu cầu trình bày của anh tại biên bản lấy lời khai ngày 01/10/2014 tại Tòa án nhân dân thành phố C. Theo đó anh yêu cầu được chia thừa kế tài sản của ông L để lại và được hưởng toàn bộ phần diện tích anh đang sử dụng. Phần diện tích anh đang sử dụng anh không đồng ý chia.

Bà Nguyễn Thị Kim H và anh Nguyễn Độc L có yêu cầu chia thừa kế phần tài sản của ông L để lại và giao toàn bộ cho ông Nguyễn Ngọc A sử dụng, bà Kim Ho và anh Nguyễn Độc L chỉ nhận mỗi người 15.000.000 đồng từ ông Nguyễn Ngọc A.

Ủy ban nhân dân thành phố C không có văn bản ghi ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu phản tố của bị đơn.

- Về tài liệu chứng cứ các bên cung cấp và Tòa án đã thu thập được được các bên thống nhất gồm:

- + Hồ sơ cấp đất của ông Nguyễn Văn L
- + Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ;
- + 01 Biên bản định giá tài sản;
- + Xác nhận hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn L.

- Ý kiến của Viện kiểm sát: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ và chấp hành tốt, không có kiến nghị. Về thời hạn chuẩn bị xét xử, trong vụ án này, Tòa án chấp hành tốt về thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung Viện kiểm sát đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn Nguyễn Thị L, Nguyễn Kim Ho mỗi người được hưởng 01 phần di sản 46,6 m² theo vị trí các nguyên đơn yêu cầu. Ông Nguyễn Ngọc A được hưởng một phần di sản thừa kế và hưởng phần Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Độc L và có nghĩa trả cho Nguyễn Thị Kim H và Nguyễn Độc L mỗi người 15.000.000 đồng; ông Nguyễn Ngọc A và Nguyễn Hòa H nhận phần nhiều hơn thì trả giá trị cho các đồng thừa kế khác. Đối với các tài sản có trên đất ai được sở hữu thì trả giá trị theo giá Hội đồng định giá đã định. Đối với các yêu cầu khác các đương sự không cung cấp được chứng cứ thì không chấp nhận.

- Ý kiến luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Nguyễn Thị L phát biểu quan điểm và viện dẫn các quy định của pháp luật về thừa kế theo pháp luật và đề nghị chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi công khai tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn chia thừa kế tài sản theo pháp luật, bị đơn có yêu cầu độc lập yêu cầu tranh chấp đất với các đồng thừa kế nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất và quyền sử dụng đất”.

[2] Về thẩm quyền: Diện tích đất tranh chấp và địa chỉ của các đương sự tại thành phố C, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố C theo quy định tại Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Tại phiên tòa những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vắng mặt đối với các đương sự vắng mặt.

Đối với đương sự Nguyễn Kim Hg theo tài liệu nguyên đơn cung cấp là Nguyễn Kim H nhưng tại phiên tòa ông Nguyễn Ngọc A (chồng bà Hồng) xác định bà Hồng tên Phạm Thị H phù hợp với chứng cứ ông A cung cấp nên Hội đồng xét xử điều chỉnh tên đương sự thành Phạm Thị H.

[4] Về nội dung:

Về nguồn gốc đất các bên tranh chấp của bà Nguyễn Thị M (chết năm 1999) và ông Nguyễn Văn L (chết năm 2012) để lại. Bà M và ông L có tổng cộng 06 người con là Nguyễn Thị L, Nguyễn Ngọc A, Nguyễn Kim Ho, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Đức L, Nguyễn Hòa H. Năm 2006 ông L đăng ký và được UBND thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn L đứng tên vào ngày 18/10/2006 thuộc thửa đất số 129, tờ bản đồ số 17, diện tích 253,2m², (đo đạc thực tế 291,1m²) loại đất ở đô thị, tọa lạc tại tổ 20, khóm 4, phường 2, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Phần đất trên, ông L có xây dựng căn nhà cấp 4, diện tích căn nhà là 80m² (đo đạc thực tế là 49,1m²). Căn nhà hiện nay do Nguyễn Hòa H là người con út trong gia đình đang quản lý và sử dụng.

Sau khi ông L chết không để lại di chúc phát sinh quyền thừa kế theo pháp luật của các con ông L. Sau đó bà Nguyễn Thị L và Nguyễn Kim Ho và các đồng thừa kế khác yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

Theo thống nhất của các bên thì toàn bộ phần đất trên là di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn L để lại. Các bên thỏa thuận phần căn nhà ông Lén để lại giao cho anh Nguyễn Hòa H thừa hưởng để thờ cúng cha mẹ, phần diện tích làm lối đi chung vô nhà anh Nguyễn Hòa H 11,3m² giao cho anh H đứng tên. Diện tích còn lại là 279,8 m² là di sản thừa kế chia cho 06 người mỗi người một phần thừa kế tương đương 46,6m². Giá đất các bên thống nhất theo giá Hội đồng định giá định là 1.000.000 đồng/m².

[5] Về yêu cầu của đương sự:

- Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn yêu cầu Nguyễn Thị L yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật cho bà L diện tích 42,7 m² đất ở theo các mốc từ M12, M13, M14, M15, M16, M17, M18, M19, MC, MB, MA về mốc M12 thuộc thửa đất số 129, tờ bản đồ số 17. Bà L đồng ý trả lại tiền xây dựng các căn nhà trọ tạm và các tài sản khác của anh Nguyễn Hòa H theo giá nhà nước.

- Nguyên đơn Nguyễn Kim Ho yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật cho bà Hòa diện tích 39,6m² đất ở theo các mốc M12A', M12', M19', M20, M12A về mốc M12A' thuộc thửa đất số 129, tờ bản đồ số 17, diện tích chưa đủ với phần thừa kế được nhận thì bà yêu cầu ai được nhận nhiều hơn thì trả giá trị theo định giá. Bà Nguyễn Kim Ho đồng ý trả lại tiền xây dựng các căn nhà trọ tạm và các tài sản khác của anh Nguyễn Hòa H theo giá nhà nước.

Xét yêu cầu này của các nguyên đơn Nguyễn Thị L và Nguyễn Kim Ho là có căn cứ và phù hợp pháp luật và các nhận định tại mục [4] nên chấp nhận.

- Ông Nguyễn Ngọc A yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Lén với diện tích 126,8m² để công nhận cho ông phần diện tích trên. Tuy nhiên tại phiên tòa ông Ánh xác định nếu xem đây là tài sản chung của ông L để lại và chia thừa kế thì ông không tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích 126,8m² mà yêu cầu công nhận cho ông phần diện tích ông được hưởng thừa kế và ông nhận phần thừa kế của Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Độc L và trả giá trị đất theo thỏa thuận các bên.

Xét việc ông Nguyễn Ngọc A rút lại một phần yêu cầu tranh chấp quyền sử dụng đất và có yêu cầu công nhận cho ông phần ông được thừa kế và ông nhận phần thừa kế của Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Độc L và trả giá trị đất theo thỏa thuận các bên là có căn cứ. Bởi vì, ông A cũng là 01 trong 06 đồng thừa kế di sản của ông Nguyễn Văn L và cũng được hưởng 01 phần di sản ông Lén để lại và cũng được nhận thêm 02 phần thừa kế của Nguyễn Thị Kim H và Nguyễn Độc L để lại nên giao phần diện tích đất 148.5 m² ông đang quản lý sử dụng cho ông tiếp tục sử dụng và có nghĩa vụ trả theo thỏa thuận với Nguyễn Thị Kim H và Nguyễn Độc L mỗi người 15.000.000 đồng và đồng thời trả giá trị cho các phần hưởng thừa kế khác nhận đất chưa đủ.

- Bà Nguyễn Thị Kim H và anh Nguyễn Độc L có yêu cầu chia thừa kế phần tài sản của ông L để lại và giao toàn bộ cho ông Nguyễn Ngọc A sử dụng, bà Kim H và anh Nguyễn Độc L chỉ nhận mỗi người 15.000.000 đồng từ ông Nguyễn Ngọc A. Phần diện tích diện tích 126,8 m² ông Ánh đang sử dụng nếu nhiều hơn phần của 03 đồng thừa kế khác thì ông Ánh trả giá trị đất theo quy định pháp luật cho người còn thiếu.

Xét yêu cầu của Nguyễn Thị Kim H và Nguyễn Độc L là hoàn toàn phù hợp và tự nguyện của H và L nên chấp nhận.

- Anh Nguyễn Hòa H yêu cầu được chia thừa kế theo pháp luật và được hưởng phần căn nhà do cha mẹ để lại cùng diện tích đất đang sử dụng là 49.1m², phần còn lại đồng ý chia thừa kế nhưng ai được hưởng phần anh đã có xây nhà trọ tạm trên đất thì phải trả giá trị như lúc anh xây dựng ban đầu và chi phí đầu tư trên đất.

Xét yêu cầu của anh H về chia thừa kế là phù hợp. Tuy nhiên về yêu cầu những người thừa kế hưởng phần đất mà anh H xây dựng các tài sản phải trả cho anh giá trị tài sản ban đầu không trừ khấu hao, không đồng ý trả theo giá Hội đồng định giá nhưng anh H không khiếu nại thủ tục định giá, tuy nhiên các tài sản này anh H xây dựng từ năm 2007 đã được hưởng lợi từ việc cho thuê nhà trọ nên việc anh H yêu cầu trả theo giá trị xây dựng ban đầu là không có căn cứ nên không chấp nhận, đồng thời anh cũng không thực hiện các thủ tục khởi kiện và tạm ứng án phí theo yêu cầu của Tòa án nên không xem xét. Ngược lại chỉ ghi nhận sự tự nguyện bồi thường phần tài sản của Nguyễn Kim Ho và Nguyễn Thị L theo giá mà Hội đồng định giá đã định và anh phải có nghĩa vụ trả lại giá trị phần đất anh được hưởng nhiều hơn cho những người nhận thiếu đất theo phần thừa kế.

Về phần anh H yêu cầu các đồng thừa kế trả tiền đóng thuế đất hàng năm nhưng không cung cấp được chứng cứ nên không đặt ra xem xét.

Căn cứ vào Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 26-12-2013, 14-12-2017 và Biên bản định giá tài sản ngày 22-5-2014 và 18-10-2018 thì cụ thể các bên được hưởng thừa kế như sau:

- Bà Nguyễn Thị L được hưởng thừa kế diện tích đất 42,7m² tại các mốc M12, M13, M14, M15, M16, M17, M18, M19, MC, MB, MA về mốc M12. Phần diện tích còn thiếu theo phần thừa kế được hưởng thì anh Nguyễn Hòa H trả giá trị 2,5 m² với số tiền 2.500.000 đồng, ông Nguyễn Ngọc A trả giá trị 1.4 m² với số tiền 1.400.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị L được sở hữu toàn bộ tài sản trên phần diện tích đất này gồm: 01 phòng trọ tạm diện tích 19,61m² (5,3m x 3,7m); 01 nhà kho diện tích 16,8m² (4,8m x 3,5m); 01 sân nhà diện tích 12,6m² (3m x 4,2m).

Bà Liên có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Hòa H số tiền: 10.530.200 đồng ($19,61\text{m}^2 \times 537.000$ đồng) + 4.636.800 đồng ($16,8\text{m}^2 \times 276.000$ đồng) + 1.071.000 đồng ($12,6\text{m}^2 \times 85.000$ đồng). Tổng cộng là: 16.237.000 đồng.

- Bà Nguyễn Kim Ho được hưởng diện tích đất $39,6\text{m}^2$ tại các mốc M12A', M12', M19', M20, M12A về mốc M12A'. Phần diện tích còn thiếu theo phần thừa kế được hưởng thì ông Nguyễn Ngọc A trả giá trị 7m^2 với số tiền 7.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Kim Ho được sở hữu toàn bộ tài sản trên phần diện tích đất này gồm: 03 phòng trọ tạm diện tích $28,2\text{m}^2$ ($9,4\text{m} \times \text{m}$); 01 nhà vệ sinh diện tích $4,94\text{m}^2$ ($2,6\text{m} \times 1,9\text{m}$); 01 mái hiên diện tích $11,28\text{m}^2$ ($9,4\text{m} \times 1,2\text{m}$).

Bà Nguyễn Kim Ho có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Hòa H số tiền: 15.143.400 đồng ($28,2\text{m}^2 \times 537.000$ đồng) + 8.645.000 đồng ($4,94\text{m}^2 \times 1.750.000$ đồng) + 688.000 đồng ($11,28\text{m}^2 \times 61.000$ đồng). Tổng cộng là: 24.476.400 đồng.

- Anh Nguyễn Hòa H được hưởng thừa kế căn nhà và diện tích đất $49,1\text{m}^2$ tại các mốc M1A, M11, M12, M12', M12A' về mốc M1A. Có nghĩa vụ giao toàn bộ tài sản khác trên phần hưởng của bà Liên và bà Kim Hòa và nhận lại tiền đầu tư trên đất như đã nêu trên.

- Ông Nguyễn Ngọc A được hưởng một phần di sản và nhận phần di sản mà anh Nguyễn Đức L, bà Nguyễn Thị Kim H được hưởng diện tích $148,5\text{m}^2$ tại các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8, M9, M10, M11, M11A, M12A', M12A, M20, M20A, M21, M22, M23 về M1.

Ông Nguyễn Ngọc A trả Nguyễn Đức L, bà Nguyễn Thị Kim H mỗi người số tiền 15.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Ngọc A trả giá trị đất cho bà Liên số tiền 1.400.000 đồng và trả giá trị đất cho bà Nguyễn Kim Ho số tiền 7.000.000 đồng; anh Nguyễn Hòa H trả giá trị đất bà Liên số tiền 2.500.000 đồng.

Đối với diện tích lối đi chung $11,3\text{m}^2$ tại các mốc từ M19', M12', M12, MA, MB, MC đến M19' các đương sự thống nhất giao cho anh Nguyễn Hòa H đứng tên quyền sử dụng đất và sử dụng lối đi chung xét thấy là phù hợp nên giao cho anh Nguyễn Hòa H được đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất này.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định ngày 26-12-2013, 14-12-2017; ngày 18-10-2018 và Biên bản định giá tài sản ngày 22-5-2014 và 18-10-2018; Sơ đồ đo đạc ngày 18-6-2018).

Các đương sự được hưởng thừa kế có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký phần diện tích đất được hưởng theo quy định của pháp luật.

- Đối với các căn nhà trọ tạm của anh Nguyễn Hòa H cất cho thuê theo tháng, anh H, bà L, bà Kim H thống nhất nếu ai được hưởng phần này thì tiếp tục việc hưởng lợi từ việc cho thuê không có yêu cầu giải nên không đặt vấn đề xử lý.

[6] Đối với ông Nguyễn Ngọc S là con của ông Nguyễn Văn L nhưng đã chết vào năm 1986, ông S không có vợ con nên không xem xét phần thừa kế này của ông Nguyễn Ngọc S. Đối với những người trong hộ của ông Nguyễn Văn L tại thời điểm cấp đất không có quan hệ huyết thống, không có công sức đóng góp tạo lập di sản chung, hiện tại không còn sống chung trong hộ và không có ý kiến hay yêu cầu chia nên không xem xét giải quyết.

[7] Về lãi suất chậm trả: Tại phiên tòa hai bên không thỏa thuận được lãi suất chậm trả do chậm thực hiện nghĩa vụ Thi hành án theo qui định của pháp luật nên bên có nghĩa vụ bồi thường phải chịu lãi suất chậm thi hành theo điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

[8] Về chi phí giám định, thẩm định và định giá tài sản:

+ Do yêu cầu chia thừa kế được chấp nhận và mỗi bên đều được hưởng một phần di sản nên mỗi người chịu 01 phần chi phí thẩm định và định giá tài sản.

+ Chi phí thẩm định và định giá tổng cộng là 2.600.000 đồng, mỗi phần hưởng thừa kế chịu 1/6 chi phí này là 434.000 đồng. Số tiền này bà Liên đã tạm ứng nộp trước và chi xong. Ông Nguyễn Ngọc A, bà Nguyễn Kim Ho, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Độc L và Nguyễn Hòa H mỗi người nộp lại 434.000 đồng để trả lại cho bà Nguyễn Thị L.

[9] Về phát biểu của Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng khác:

- Tại phiên tòa Viện kiểm sát phát biểu việc chấp hành pháp luật, về tố tụng là hoàn toàn phù hợp và có căn cứ, về nội dung là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị L, xét thấy là phù hợp nên chấp nhận.

[10] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTV- QH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí thì do yêu cầu chia thừa kế được chấp nhận nên phải chịu án phí với phần tài sản mình được hưởng, ông

Nguyễn Ngọc A phải chịu thêm án phí đối với yêu cầu mình không được chấp nhận và phần án phí do chênh lệch giá trị đất được nhận như sau:

- Bà Nguyễn Thị L phải chịu 2.330.000 đồng tiền án phí dân sự chia thừa kế (46.600.000 đồng x 5%).

- Bà Nguyễn Kim Ho phải chịu 2.330.000 đồng tiền án phí dân sự chia thừa kế (46.600.000 đồng x 5%).

- Bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Độc L mỗi người phải chịu 750.000 đồng tiền án phí chia thừa kế (15.000.000 đồng x 5%).

- Ông Nguyễn Hòa H phải chịu 2.330.000 đồng án phí chia thừa kế.

- Ông Nguyễn Ngọc A phải nộp 2.330.000 đồng tiền án phí do yêu cầu mình được chấp nhận; 3.160.000 đồng tiền án phí do hưởng chênh lệch phần tài sản của Nguyễn Thị Kim H và Nguyễn Độc L giao lại [(2.330.000 đ- 750.000 đ) x2].

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 91; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 674; 675 và 676 Bộ luật dân sự 2005; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí.

- Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà Nguyễn Thị L và Nguyễn Kim Ho, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Độc L, Nguyễn Hòa H, ông Nguyễn Ngọc A.

- Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bà Nguyễn Thị L, Nguyễn Kim Ho đối với phần tài sản của anh Nguyễn Hòa H trên phần tài sản bà L và bà H được hưởng thừa kế.

- + Bà Nguyễn Thị L được hưởng thừa kế diện tích đất 42,7m² tại các mốc M12, M13, M14, M15, M16, M17, M18, M19, MC, MB, MA về mốc M12. Phần diện tích còn thiếu theo phần thừa kế được hưởng thì anh Nguyễn Hòa H trả giá trị 2,5 m² với số tiền 2.500.000 đồng, ông Nguyễn Ngọc A trả giá trị 1.4 m² với số tiền 1.400.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị L được sở hữu toàn bộ tài sản trên phần diện tích đất này gồm: 01 phòng trọ tạm diện tích 19,61m² (5,3m x 3,7m); 01 nhà kho diện tích 16,8m² (4,8m x 3,5m); 01 sân nhà diện tích 12,6m² (3m x 4,2m).

Bà L có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Hòa H số tiền: 10.530.200 đồng (19,61m² x 537.000 đồng) + 4.636.800 đồng (16,8m² x 276.000 đồng) + 1.071.000 đồng (12,6m² x 85.000 đồng). Tổng cộng là: 16.237.000 đồng (mười sáu triệu hai trăm ba mươi bảy ngàn).

+ Bà Nguyễn Kim Ho được hưởng diện tích đất 39,6m² tại các mốc từ M12A', M12', M19', M20, M12A về mốc M12A'. Phần diện tích còn thiếu theo phần thừa kế được hưởng thì ông Nguyễn Ngọc A trả giá trị 7m² với số tiền 7.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Kim Ho được sở hữu toàn bộ tài sản trên phần diện tích đất này gồm: 03 phòng trọ tạm diện tích 28.2 m² (9.4m x 3m); 01 nhà vệ sinh diện tích 4,94m² (2,6m x 1,9m); 01 mái hiên diện tích 11,28m² (9,4m x 1,2m).

Bà Nguyễn Kim Ho có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Hòa H số tiền: 15.143.400 đồng (28,2m² x 537.000 đồng) + 8.645.000 đồng (4,94m² x 1.750.000 đồng) + 688.000 đồng (11,28m² x 61.000 đồng). Tổng cộng là: 24.476.400 đồng (hai mươi bốn triệu bốn trăm bảy mươi sáu ngàn bốn trăm đồng).

+ Anh Nguyễn Hòa H được hưởng thừa kế căn nhà và diện tích đất gắn liền với nhà là 49,1m² tại các mốc M1A, M11, M12, M12', M12A' về mốc M1A. Có nghĩa vụ giao toàn bộ tài sản khác trên phần hưởng của bà Liên và bà Kim Hòa và nhận lại tiền đầu tư trên đất như đã nêu trên.

+ Ông Nguyễn Ngọc A được hưởng một phần di sản và nhận phần di sản mà anh Nguyễn Độc L, bà Nguyễn Thị Kim H được hưởng diện tích 148,5m² tại các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8, M9, M10, M11, M11A, M12A', M12A, M20, M20A, M21, M22, M23 về M1.

Ông Nguyễn Ngọc A trả cho ông Nguyễn Độc L, bà Nguyễn Thị Kim H mỗi người số tiền 15.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Ngọc A trả giá trị đất cho bà Liên số tiền 1.400.000 đồng và trả giá trị đất cho bà Nguyễn Kim Ho số tiền 7.000.000 đồng; anh Nguyễn Hòa H trả giá trị đất cho bà Liên số tiền 2.500.000 đồng.

Đối với diện tích lối đi chung 11,3m² tại các mốc từ M19', M12', M12, MA, MB, MC đến M19' các đương sự thống nhất giao cho anh Nguyễn Hòa H đứng tên quyền sử dụng đất và sử dụng lối đi chung xét thấy là phù hợp nên giao cho anh Nguyễn Hòa H được đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất này.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định ngày 26-12-2013, 14-12-2017; ngày 18-10-2018 và Biên bản định giá tài sản ngày 22-5-2014 và 18-10-2018; Sơ đồ đo đạc ngày 18-6-2018).

Các đương sự được hưởng thừa kế có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký phần diện tích đất được hưởng theo quy định của pháp luật.

- Đình chỉ một phần yêu cầu tranh chấp quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Ngọc A.

* Về lãi suất chậm trả: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi cho số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

*** Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản:**

+ Do yêu cầu chia thừa kế được chấp nhận và mỗi bên đều được hưởng một phần di sản nên mỗi người chịu 01 phần chi phí thẩm định và định giá tài sản.

+ Chi phí thẩm định và định giá tổng cộng là 2.600.000 đồng, mỗi phần hưởng thừa kế chịu 1/6 chi phí này là 434.000 đồng. Số tiền này bà Liên đã tạm ứng nộp trước và chi xong. Ông Nguyễn Ngọc A, bà Nguyễn Kim Ho, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Độc L và Nguyễn Hòa H mỗi người nộp lại 434.000 đồng để trả lại cho bà Nguyễn Thị L.

*** Về án phí:**

- Bà Nguyễn Thị L phải chịu 2.330.000 đồng tiền án phí dân sự chia thừa kế (46.600.000 đồng x 5%), khấu trừ số tiền 900.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 18087 ngày 21/11/2013, còn lại phải nộp tiếp là 1.430.000 đồng.

- Bà Nguyễn Kim Ho phải chịu 2.330.000 đồng tiền án phí dân sự chia thừa kế (46.600.000 đồng x 5%), khấu trừ số tiền 900.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 18088 ngày 21/11/2013, còn lại phải nộp tiếp là 1.430.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu 750.000 đồng tiền án phí chia thừa kế (15.000.000 đồng x 5%), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 800.000 đồng đã nộp theo biên lai số 08258 ngày 28-3-2017, bà Nguyễn Thị Kim H được nhận lại 50.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

- Ông Nguyễn Độc L phải chịu 750.000 đồng tiền án phí chia thừa kế (15.000.000 đồng x 5%), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 800.000 đồng đã nộp theo biên lai số 08257 ngày 28-3-2017, ông Nguyễn Độc L được nhận lại 50.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

- Ông Nguyễn Hòa H phải chịu 2.330.000 đồng án phí chia thừa kế, khấu trừ số tiền 1.187.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 030643 ngày 03/12/2014, còn lại phải nộp tiếp là 1.143.000 đồng.

- Ông Nguyễn Ngọc A phải nộp 2.330.000 đồng tiền án phí do yêu cầu mình được chấp nhận; 3.160.000 đồng tiền án phí do hưởng chênh lệch phần tài

sản của Nguyễn Thị Kim H và Nguyễn Đức L giao lại [(2.330.000 đ- 750.000 đ) x2] . Tổng cộng 5.490.000 đồng, khấu trừ số tiền 1.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 02148 ngày 22/4/2016, còn lại phải nộp tiếp là 4.290.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TPCL;
- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- CC THADS TPCL;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Minh Tùng